TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14** /2024/DS-ST
Ngày: 31/5/2024.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thanh Bình và ông Hoàng Văn Khởi.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Miền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST - DS, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Kiều Thị O, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Ông Kiều Hữu X, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Kiều Thị O, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm Cao Sơn 3, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/02/2006, anh Nguyễn Văn T viết giấy tay để bán cho vợ chồng bà thửa ruộng có diện tích 392m^2 thuộc thửa số 121 tờ bản đồ số 88 tại xã Cổ Lũng với giá 5.000.000đ. Việc mua bán giữa ông X và anh T được trưởng xóm Đồng Sang là ông Lý Ngọc ký xác nhận. Vợ chồng bà đã nhận ruộng và canh tác ổn định từ năm 2006 đến nay. Mặc dù đã bán cho vợ chồng bà, nhưng anh T không chịu tách thửa để cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng bà. Khi bà đề nghị anh T đưa bản chính giấy CN QDS đất để làm thủ tục tách thửa và cấp giấy CN QSD đất cho bà thì anh T không đưa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh T tách thửa đối với diện tích 392m^2 đất ruộng thuộc thửa số 121, tờ bản đồ 88 tại xã Cổ Lũng cho vợ chồng bà. Tại phiên tòa bà đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà và anh T.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T:

Đối bị đơn là anh Nguyễn Văn T Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải, Quyết định xét xử; các văn bản tố tụng khác và giao cho mẹ đẻ anh T là bà Đinh Thị T. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án. Do vậy, không tiến hành ghi lời khai của T được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 07/02/2024:

Năm 2000, chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T. Năm 2003, mẹ chồng chị là bà Đinh Thị T có cho vợ chồng chị thửa đất số 121, tờ bản đồ số 88 diện tích 392m^2, sau đó thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh T. Năm 2006, anh T bán thửa đất trên cho bà Kiều Thị O, chị không biết việc mua bán này và không được ký giấy mua bán. Năm 2007, chị và anh T mâu thuẫn và ly hôn với nhau. Chị xác định không liên quan đến thửa đất trên, không liên quan đến vụ án. Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Lời khai của người làm chứng Đinh Thị T:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T. Khoảng năm 2002, vợ chồng bà có cho anh T thửa ruộng số 121, tờ bản đồ số 88, diện tích 392m^2, anh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm vợ chồng bà cho anh T đã lấy vợ và có 02 con. Hiện anh T đã ly hôn, sau đó anh T có bán thửa ruộng cho bà O và ông X nhưng bà không rõ bán vào thời gian nào. Khi mua bán hai bên có lập giấy tờ mua bán viết tay ở nhà bà O, ông X. Anh T về có nói lại với bà là con bán đám ruộng cho bà O được 5.000.000 đồng để nộp tiền học lái xe ô tô. Bà T xác định anh T đã nhận đủ số tiền 5.000.000 đồng của bà O. Anh T đã giao thửa ruộng cho bà O, ông X. Gia đình bà O đã sử dụng từ khi mua bán từ năm

2006 cho đến nay. Việc Tòa án giải quyết gia đình bà cùng biết và thông báo cho anh T biết, nhưng anh T không về để giải quyết vụ án.

Nay bà O, ông X khởi kiện anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà O, ông X được sử dụng thửa ruộng nói trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có quan điểm:

*** Về tố tụng:**

+ Việc phân công Thẩm phán, Thư ký, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổ chức phiên họp công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải, việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng; Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự theo quy định tại chương XIV của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự được T hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc chấp hành các quy định của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước khi hội đồng xét xử đi vào nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc về nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn chấp hành chưa nghiêm túc về nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 127 Luật Đất Đai 2003; Điều 122, 124, 127, 137, 401, 402, 689, 692 Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Hữu X và bà Kiều Thị O.

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Kiều Hữu X và anh Nguyễn Văn T (Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 26/02/2006) đối với diện 375,4m^2 đất 2L tại thửa số 121, tờ bản đồ số 88, địa chỉ: Thôn Đồng Sang (nay là xóm Đồng Sang), xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, theo vị trí 1,2,5,8,1 và 1,9,10,11,12,13,14,2,1. (Có sơ đồ kèm theo)

+ Ông Kiều Hữu X, bà Kiều Thị O, anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký sang tên, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và T hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định.

- Tuyên nghĩa vụ nộp án phí, chi phí tố tụng; nghĩa vụ thi hành án.
- Quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Kiều Thị O và ông Kiều Hữu X khởi kiện bị đơn là anh Nguyễn Văn T (địa chỉ tại xóm Đường Goòng, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên) yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và anh Nguyễn Văn T, buộc anh Nguyễn Văn T tách thửa đất đối với diện tích 392m^2 đất ruộng thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 88 tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên . Do vậy xác định đây là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt hơn 02 lần không có lý do . Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Nguyễn Thị Thanh T) có đơn xin xét xử vắng mặt; Người làm chứng (bà T) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 177, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan và người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Kiều Thị O và ông Kiều Hữu X. Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và anh Nguyễn Văn T, buộc anh Nguyễn Văn T tách thửa đất đối với diện tích 392m^2 đất ruộng thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 88 tại xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cho nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ thể hiện:

- Thửa đất số 121, tờ bản đồ số 88, diện tích 392m^2 địa chỉ tại xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có nguồn gốc là của vợ chồng bà Đinh Thị T (mẹ đẻ anh T) cho anh T. Anh T đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y201540 ngày 02/12/2002, loại đất lúa.

- Ngày 26/02/2006, giữa anh Nguyễn Văn T và ông Kiều Hữu X lập đơn chuyển nhượng thửa đất. Nội dung: *"Gia đình tôi là Nguyễn Văn T ở xóm Đồng Sang xã Cổ Lũng huyện Phú Lương.. có thửa ruộng canh tác trên bản đồ 88,số thửa 12, diện tích là 392m^2 gia đình tôi đã chuyển nhượng với số tiền là năm triệu đồng, đợt một nhận hai triệu, đợt hai nhận ba triệu… tôi đã nhận là năm triệu đủ.. để gia đình ông Kiều Hữu X sử dụng lâu dài…"* Đơn có chữ ký của ông Kiều Hữu X, anh Nguyễn Văn T và ông Lý Ngọc (trưởng xóm Đồng Sang).

Hội đồng xét xử thấy:

Về hình thức của hợp đồng:

Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 26/2/2006 giữa ông X và anh T không theo mẫu, không T hiện công chứng, chứng T theo quy định của pháp luật, là vi phạm về hình thức, nhưng đang được T hiện, nên cần áp dụng Điều 688 BLDS năm 2015, Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

Theo quy định tại Điều 116, khoản 2 Điều 129 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tuy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên không tuân thủ về hình thức được quy định tại khoản 1 Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhưng bên nguyên đơn đã T hiện giao cho phía bị đơn 5.000.000 đồng, phía bị đơn đã giao quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là đã T hiện hơn 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch nên giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông X và anh T được công nhận là có hiệu lực.

Về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng: Khi lập giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông X và anh T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc giao kết hoàn toàn tự nguyện. Về mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức pháp luật.

Về điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Tại thời điểm được tặng cho quyền sử dụng đất, anh T đã kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T, tuy nhiên lời khai của chị T thể hiện vợ chồng bà T cho riêng diện tích thửa đất trên cho anh T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ mang tên anh T, chị không liên quan đến thửa đất trên. Như vậy, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 88 thuộc quyền sử dụng của anh T, anh T có quyền định đoạt đối với thửa đất trên.

Ông Kiều Hữu X và bà Kiều Thị O là người trực tiếp sản suất đất nông nghiệp, cùng sinh sống tại xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, ông X và bà O đủ điều kiện nhận chuyển nhượng thửa đất số 121, tờ bản đồ số 88.

Tại thời điểm chuyển nhượng, đất không có tranh chấp, tài sản không bị kê biên để đảm bảo thi hành án nên đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 1 điều 106 Luật đất đai 2003.

Về quá trình T hiện hợp đồng: Phía bên nhận chuyển nhượng là ông Kiều Hữu X đã trả đủ số tiền cho bên chuyển nhượng, bên chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn T đã bàn giao đất cho ông X và gia đình ông X đã sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay.

Về diện tích chuyển nhượng: Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 26/2/2006 giữa ông X và anh T thỏa thuận chuyển nhượng 392m^2 tại thửa 121(giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh T 392m^2). Tuy nhiên, qua kết quả đo kiểm tra hiện trạng ngày 29/01/2024 của Công ty CP Tân Á Hoàng Minh chi nhánh Thái Nguyên theo chỉ dẫn của bà Kiều Thị O và và bà Đinh Thị T (mẹ đẻ anh T) xác định thửa đất 121 tờ bản đồ số 88 xã Cổ Lũng có diện tích 375,4m^2. (Trong đó, bà O dùng làm đường 56,6m^2) các đương sự không có ý kiến gì, nên xác định diện tích đất tại thửa 121 là 375,4m^2. Bà O tại phiên tòa xác định khi nhận chuyển nhận hai bên không đo đạc cụ thể, nên hiện tại đo đạc được bao nhiêu thì bà nhận chuyển nhượng từng đó.

[3]. Như vậy, từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cần công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Kiều Hữu X và anh Nguyễn Văn T, buộc anh T làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 121, tờ bản đồ số 88, địa chỉ: Xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Đối với nội dung gia đình bà O, ông X đã dùng 56,6m^2 tại thửa 121 để làm đường đi, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương giải quyết theo quy định về quản lý đất tại địa phương theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp 5.600.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, cần buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T hoàn trả lại số tiền 5.600.000 đồng cho nguyên đơn.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144, 147, 165, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 129, Điều 502, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Hữu X và bà Kiều Thị O.

1.1: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Kiều Hữu X và anh Nguyễn Văn T (Đơn xin chuyển nhượng đất ngày 26/02/2006) đối với diện 375,4m^2 đất 2L tại thửa số 121, tờ bản đồ số 88, địa chỉ: Thôn Đồng Sang (nay là xóm Đồng Sang), xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, theo vị trí 1,2,5,8,1 và 1,9,10,11,12,13,14,2,1. (Có sơ đồ kèm theo)

1.2: Ông Kiều Hữu X, bà Kiều Thị O, anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký sang tên, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và T hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương xem xét giải quyết đối với 56,6m^2 đất theo sơ đồ 1,9,10,11,12,13,14,2,1 tại thửa số 121, tờ

bản đồ số 88, xóm Đồng Sang, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương gia đình ông X bà O đổ bê tông làm đường đi theo quy định về quản lý đất đai.

3. Chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn T phải hoàn trả ông Kiều Hữu X và bà Kiều Thị O số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.600.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm nghìn đồng)*

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* sung quỹ nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Ông Kiều Hữu X, bà Kiều Thị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được T hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS Phú Lương;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Lý